

BÈ MẢNG SẦM SƠN - DI SẢN VĂN HÓA VƯỢT THỜI GIAN

TS. HOÀNG MINH TƯỜNG*

TÓM TẮT

Từ chiếc mảng được kết bằng tre bương, dẫn tới lối/cách sống của cư dân ven biển nước ta (trường hợp xứ Thanh), tác giả nói tới cách làm mảng với một số "biểu tượng" cụ thể, đồng thời đề cập tới một vài thần linh, nhất là mặt trăng dưới dạng hóa thân, được nảy sinh theo hoàn cảnh và ứng xử của con người ở nơi đây. Mảng là một phương tiện để ra khơi đánh bắt cá, để di chuyển, khá bền và vững chắc.

Từ khóa: mảng; di sản văn hóa; biểu tượng.

ABSTRACT

From bamboo raft to the lifestyle of maritime residents (a case of Thanh region), the author mentions the making method of raft in which some symbols, as well as some gods, especially moon change in contexts and local behaviour in this region. Raft is a good tool for fishing, transporting.

Key words: raft; cultural heritage; symbol.

Bè mảng Sầm Sơn là phương tiện đi trên sông, biển độc đáo, cổ xưa và cho đến hôm nay, vẫn được ngư dân miền duyên hải tỉnh Thanh sử dụng để ra khơi, vào lộng khai thác hải sản. Bè mảng không chỉ là phương tiện di chuyển trên sông nước để "đi sông gặp đồng, đi lộng gặp tía" mà còn chở cả di sản văn hóa được hình thành từ ngàn đời, kết tinh thành giá trị và thực hành trong cuộc sống hôm nay.

Từ rừng tiến ra đồng bằng và tràn xuống biển là cả một hành trình cam go, đầy gian khó của cư dân Việt cổ xứ Thanh. Trong cuộc thiên di ấy, họ đã chuyển từ cuộc sống săn bắn, hái lượm tới trồng cấy, chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp và tiếp đó là gắn với cuộc sống lênh đênh trên biển cả đầy sóng gió.

Hoàn cảnh tự nhiên luôn chi phối tới sự tồn tại và phát triển của con người. Trong sản xuất nông nghiệp, con người phải phụ thuộc vào hoàn cảnh tự nhiên: "Ơn trời mưa nắng phải thì", "Trông trời trông đất trông mây/Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm"... Trước sự diễn tiến khôn lường

của thời tiết, khí hậu nhiệt đới gió mùa, nắng lắm, mưa nhiều, sống trong môi trường biển, mênh mang sóng nước, trước thiên nhiên hùng vĩ, con người cảm thấy mình thật vô cùng nhỏ bé, với bao bất trắc bỗng dưng đổ xuống, nhiều khi họ bất lực, phó mặc cho số phận đưa đẩy. Tồn tại trên mặt đất đã khó, với nghề sông nước, chài lưới trên biển, cuộc sống của con người đối diện với biển khơi lại càng gặp nhiều gian khổ: bão tố, sóng dữ, thủy quái... luôn là mối nguy hiểm đối với tính mạng và cuộc sống của họ. Nỗi niềm đó còn lưu truyền lại trong dân gian các làng biển: Đùng đùng trời nổi mây lên/Sóng thần dội xuống con thuyền anh nguy và những nguy nan luôn chầu chực và cướp đi cả sinh mạng của họ: Về thời cá đổ chan chan/Không về bỏ xác vào hàm cá he...

Trong cuộc mưu sinh, đứng trước biển rộng lớn với muôn vàn tai ương thường trực, những cư dân biển đã tìm cho mình một điểm tựa tinh thần là hòa vào thiên nhiên và trông cậy vào sức mạnh siêu nhiên, thần thánh để trụ vững trong cuộc mưu sinh.

Ở vùng biển tỉnh Thanh cũng như các cư dân ven biển khác trên dải đất hình chữ S thường có tục thờ thần biển, Mẫu Thoải, thờ Tứ vị Thánh Nương,

* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thanh Hoá

Nam Hải Đại Vương... nhằm trông cậy vào sự chở che của thần linh để phù trợ cho mình. Nhưng trước khi có các tục thờ ấy thì tín ngưỡng thờ mặt trăng có lẽ gần gũi và xuất hiện sớm hơn cả.

Nếu như cư dân nông nghiệp với tín ngưỡng thờ thần mặt trời mang lại nguồn sinh lực vô biên thúc đẩy mùa màng tốt tươi và cuộc sống no đủ cho dân lành, thì đối với cư dân miền biển, sinh sống trên sóng nước, họ đã coi mặt trăng như một vị thần có sức mạnh cao diệu và linh ứng, luôn giúp đỡ và hộ mệnh cho họ trong mỗi chuyến ra khơi vào lộng, buông lưới quăng chài. Và, như thế, tín ngưỡng thờ mặt trăng đã có từ lâu đời và in sâu vào tâm thức ngư dân Sầm Sơn.

Ở Sầm Sơn, người dân vừa làm ruộng, vừa làm nghề chài lưới. Nguồn sống do biển khơi rộng lớn mang lại cho họ là tôm cá, sản vật nhiều vô kể. Để chống chọi với thiên nhiên nghiệt ngã, trụ vững ở nơi "đầu sóng ngọn gió" họ đã tìm thấy và nương tựa vào thần Độc Cước - vị thần phù trợ và nhân lên sức mạnh cho họ mỗi khi vào lộng ra khơi, bủa lưới, quăng chài.

Theo truyền thuyết vùng này kể lại, thì thần Độc Cước là một chàng trai khổng lồ, có sức khỏe, tài trí và giàu lòng thương người, thần đã tự xẻ đôi thân mình để giúp dân đánh đuổi quỷ dữ ở ngoài biển khơi và bảo vệ xóm làng, đưa tới cuộc sống bình yên cho ngư dân ở đất liền. Dấu chân to hằn lên đá mà thần để lại vẫn còn in sâu trên hòn Cổ Dải, nơi có ngôi đền linh thiêng quanh năm hương khói thờ người anh hùng - Độc Cước chân nhân.

Gạt bỏ những tình tiết ly kỳ và hùng tráng trong truyền thuyết, thì thực chất cốt lõi của câu chuyện về vị thần ở vùng biển này được xuất phát từ tín ngưỡng thờ mặt trăng, được coi là vị thần anh linh và có sức mạnh vô biên. Thần Độc Cước chính là hóa thân của mặt trăng gắn với thủy triều, luôn chi phối tới phương thức đánh bắt cá tôm và cuộc sống của cư dân ven biển với các con thuyền ra khơi.

Độc Cước là hình tượng nhân dạng hoá của mặt trăng. Vì mặt trăng ít khi tròn đầy và thường thiếu khuyết, nên Độc Cước chỉ có nửa người. Đáng lưu ý là bức chạm gỗ trước cửa vào hậu cung đền thờ Độc Cước ở đền Thượng làng Núi là hình mặt nguyệt. Trung tâm bức chạm là mặt trăng, bao quanh là các vân mây, tả hữu có lưỡng long châu nguyệt. Mặt trăng, vân mây và rồng đều là biểu tượng của nguồn nước. Nước đem lại nguồn thủy

sản dồi dào, phong phú. Trăng ảnh hưởng tới thủy triều, con nước, trăng tái tạo sự sống và sự sinh trưởng cho vạn vật về đêm, tác động trực tiếp tới kết quả đánh bắt hải sản trong mỗi chuyến đi biển của ngư dân. Hình ảnh mặt trăng gắn với thần Độc Cước vừa mang ý nghĩa của sự sống, vừa mang ý nghĩa tâm linh cõi nhân thế. Vì vậy, ngư dân biển đã thiêng hóa mặt trăng thông qua biểu tượng Độc Cước vừa linh diệu, thiêng liêng, lại vừa cụ thể và gần gũi để trợ giúp họ trong nghề chài lưới.

Đứng trước đền Độc Cước, ngay đầu núi Cổ Dải, hiện ra trước mắt ta cả một vùng biển trời, núi non. Bãi dài cát trắng, lớp lớp sóng xô và biển xanh vô bờ, dẹt nên bức tranh thiên nhiên thật nên thơ mà hùng vĩ. Sát ngay chân sóng, hàng tiếp hàng là những chiếc bè mảng của ngư dân, sau mỗi chuyến ra khơi, nằm phơi mình dưới nắng, chính những chiếc bè mảng này tưởng như đơn sơ và dân dã lại chứa đựng trong nó những mật mã cần phải trả lời.

Bè mảng Sầm Sơn là một loại phương tiện đi biển độc đáo của ngư dân từ xa xưa, mà cho đến ngày nay, vẫn còn được duy trì và sử dụng phổ biến ở vùng này, trong khi ấy, hiếm thấy làng biển nào trên đất nước ta còn loại phương tiện này. Theo những nhà nghiên cứu về thuyền bè truyền thống Việt Nam, bè mảng ra đời rất sớm, cùng với thuyền độc mộc trên sông và thậm chí bè còn xuất hiện sớm hơn thuyền độc mộc.

Chiếc bè mảng Sầm Sơn được cấu tạo rất đặc biệt. Một chiếc bè mảng thường được ghép lại từ 15 đến 18 cây luồng hoặc bương, có kích thước khác nhau (tùy thuộc vào bè to hay nhỏ). Để làm một chiếc bè, người ta phải cất công mua và chọn những cây luồng, cây bương còn tươi ở vùng núi xứ Thanh thuộc các huyện Quan Hóa, Bá Thước, Lang Chánh, theo dòng sông Mã từ non cao đưa về để làm phương tiện đi lại trên biển.

Cách làm một chiếc bè mảng không đòi hỏi kỹ thuật quá cao. Để có được chiếc bè mảng ưng ý, luồng, bương không dùng loại quá già hoặc còn non, đường kính của mỗi thân cây khoảng 10cm, chiều dài từ 7 đến 8m, lóng dài, không bị sâu mọt. Kỹ thuật kết bè tuy đơn giản nhưng không phải ai cũng làm được. Thợ kết bè thường là từ 2 đến 3 người đang ở độ tuổi trung niên. Chủ bè nhờ một vài người họ hàng cùng mình phụ giúp cho đám thợ. Thời gian để hoàn chỉnh một chiếc bè mảng khoảng 5 đến 7 ngày. Thông thường, sau khi luồng,



Bè mảng ở Sầm Sơn (Thanh Hóa) - Ảnh: Tác giả

bương được đưa về, thợ làm bè dùng dao sắc rọc hết cật xanh bên ngoài của buồng, luống; đốt lửa nóng để nắn cho các ngọn luống, buồng cong đầu vào nhau. Lòng bè được ghép phẳng, hai bên mái hơi khum, đầu và lái uốn cong. Các cây luống, buồng liên kết với nhau thành một khối bởi 3 - 4 cái "ngang", phân đều, nằm ngang từ đầu đến cuối trên các cây luống, sau đó dùng dây mây hoặc song kết/buộc thật chặt. Loại dây mây có độ dẻo và bền cao, ngâm dưới nước lâu không bị hoại/mục.

Trên các đà ngang ở đầu và giữa bè, người ta dựng các cột buồm. Mỗi bè có từ 1 - 3 lá buồm hình thang, làm bằng vải sợi, nhuộm bằng củ nâu trên rừng, hoặc là buồm cách dơi, đan bằng cói và có xương bằng tre. Hai bên mạn của chiếc bè có neo chèo gắn với thân bè, phía sau có bánh lái. Đặc biệt, để cho bè không bị lật và giữ được thăng bằng khi lướt trên sóng nước, người thợ còn chế tạo ra những chiếc xiến. Xiến được làm bằng những miếng gỗ có độ dày 2 - 3cm, bề rộng 30 - 40cm, chiều dài 80cm - 1m, được phân bố đều trong một chiếc bè, mỗi bè thường có từ 1 - 3 chiếc xiến. Xiến được gắn từ thân bè và tiếp xúc trực tiếp với nước. Trên mỗi bè (từ giữa tới mũi bè) có 2 cái đà cong hình sừng trâu, sau này để giản tiện, người ta thay bằng những cái nạnh. Những đà (hoặc nạnh) này có tác dụng gác buồm hoặc gác chèo, đồng thời cũng tạo dáng bề thế cho chiếc bè và đặc biệt là gắn với tín ngưỡng có từ cổ xưa, là nơi để những thủ trâu, lễ vật cúng tế thần Độc Cước - mặt trăng. GS. Trần Quốc Vượng cho rằng: "Hình sừng trâu gợi lên hình ảnh trăng lưỡi liềm và được dùng làm biểu tượng của trăng" và "huyền thoại trâu nước là huyền thoại về trăng và thủy triều, rất phổ biến cùng với tục thờ trăng, thờ trâu ở miền

ven biển Tây Thái Bình Dương". Sau khi chiếc bè được làm xong, ngư dân vẽ một chữ Vạn vào giữa bè. Vạn theo Ấn Độ dịch là Đức, nói về công đức, còn dưới đời nhà Chu ở Trung Quốc thì Vạn là muôn đức tốt lành đều hợp cả ở đây. Hoặc, sau khi tu sửa bè thì phải tô vẽ lại và tổ chức lễ cúng chu tất. Chữ Vạn trên những chiếc bè mảng của ngư dân gắn với sự tích thờ Phật - Độc Cước và cá Voi cứu giúp thuyền bè và dân đi biển gặp nạn.

Mỗi bè khi ra khơi có từ 2 - 3 người vừa làm nhiệm vụ chèo lái khi không có gió, điều khiển buồm và mang theo các ngư cụ, như lưới, chài, câu để vừa dong buồm cho bè chạy tới ngư trường, vừa buông lưới và đánh bắt hải sản.

Những chiếc bè mảng của ngư dân sau mỗi chuyến từ biển trở về được kéo lên bờ để bảo quản và tránh sóng xô, nước cuốn. Kiểu bè mảng Sầm Sơn này đến nay vẫn được ngư dân các làng ven biển suốt dọc 102km bờ biển tỉnh Thanh sử dụng phổ biến, như ở Hoàng Hoá, Quảng Xương, Tĩnh Gia (tỉnh Thanh Hoá), Trà Cổ (Móng Cái, Quảng Ninh), ngoài ra, người Việt ở Vạn Vĩ (Đông Hưng, Trung Quốc) cũng chế tạo và còn sử dụng phương tiện này để đi biển.

Bè mảng Sầm Sơn có lợi thế cho sản xuất lại chế tạo đơn giản, nguyên vật liệu sẵn có và rất dồi dào, luống, buồng và song mây ở các huyện miền Tây Thanh Hoá không khi nào cạn, giá thành lại rẻ và sử dụng tiện lợi. Những khi gặp sóng to, gió lớn, bè khó bị lật, nếu có lật thì ngư dân vẫn bám được bè và đưa nó vào bờ, chính vì vậy, bè mảng có độ an toàn rất cao đối với người dân đi biển khi mà tàu thuyền và các phương tiện khác không có được lợi thế này.

Chiếc bè mảng Sầm Sơn ngoài chức năng là phương tiện đi biển và khai thác hải sản, bản thân nó còn chứa đựng những tín ngưỡng đơn sơ và thuần phác của những ngư dân miền biển - tín ngưỡng thờ mặt trăng.

Nhìn tổng thể chiếc bè đầu lái cong, hai bên khum vào mang hình vầng trăng khuyết. Hai chiếc đà - nơi gác chèo và buồm hình sừng trâu vút lên, dấu ấn của nơi dâng lễ vật tế thần - chiếc đầu trâu... Tất cả hình dáng, chức năng và mỗi bộ phận của chiếc bè toát lên biểu tượng liên quan đến mặt trăng. Theo triết lý phương Đông, bầu trời và con người là dương và mặt trăng - thủy triều - biển là âm. Âm dương tuy khác nhau nhưng hài hoà trong

thái cực. Trong dương có âm và trong âm có dương, thể hiện trời biển giao hoà. Chiếc bè mảng của ngư dân vùng biển đã thể hiện một nhận thức về vũ trụ của những người thời xưa truyền lại đến ngày nay, phản ánh về quan điểm sống "Hoà" giữa con người với thiên nhiên. Trước khi có thuyền bè và những công cụ chinh phục đại dương, để tồn tại, con người thời bấy giờ phải nghĩ ra cách đối phó tránh loài thủy quái. Sử sách chép rằng, dân nước Văn Lang xưa làm nghề chài lưới thường hay bị giống thúồng luồng làm hại, nên vua bắt dân lấy chàm vẽ mình, cho giống ấy tưởng là đồng loại mà không ăn hại nữa. Thủy triều với mặt trăng là một cặp "song sinh". Hoà trong "không gian" ấy, con người như được tăng thêm sức mạnh và tự tin hơn mỗi khi quăng chài. Người miền biển luôn tin tưởng rằng, có thần mặt Trăng phù trợ trong tinh thần "Hoà" cùng vũ trụ thì sẽ hạn chế được tác hại của bão tố, sóng thần. Biển rộng lớn không thể chôn vùi họ và thần mặt Trăng sẽ dẫn lối đưa họ trở về với đất liền an toàn.

Suy cho cùng, trong tâm thức xưa, con người và biển cả là một, "Hoà" với thiên nhiên, thiên nhiên sẽ đem lại nguồn lợi vô tận và cuộc sống ấm no, ấy chính là tín ngưỡng và quan niệm sống "khôn ngoan, sáng suốt" của ngư dân miền biển tích lũy được từ ngàn đời nay. Vì vậy, ngư dân Sầm Sơn biết ơn thiên nhiên, biết ơn thần Độc Cước - mặt Trăng vị thần bảo mệnh mang một quyền năng vô bờ bến, đem lại mọi nguồn hạnh phúc cho họ. Thần Độc Cước là vị thần của biển khơi, mang dấu ấn văn hóa biển. Từ bao đời nay, trong tâm thức của cư dân chài lưới, thần Độc Cước ngự trị vững chắc trong đời sống tinh thần của những người dân biển, cùng họ cắm sào, neo giữ chiếc bè trần thế - cũng như chiếc bè cõi tâm linh chờ đầy ước mong tốt đẹp neo đậu và trụ vững giữa dòng đời mặc cho sóng xô, nước cuốn, cuộc đời đưa đẩy với biết bao hiểm họa và chạm bẫy giăng mắc. Xưa nay mỗi độ xuân về, trong những ngày tế lễ, mỗi bận ra khơi, người dân biển lại thành tâm lên đền dâng lễ cầu thần Độc Cước giúp cho họ vượt qua sóng to, gió lớn, bảo vệ họ an toàn tính mạng và đánh bắt được nhiều tôm, cá.

Cách đây 21 năm (1993), chiếc bè mảng Sầm Sơn, xuất phát từ bãi biển này do Tim Severin, một nhà bác học về biển người Ireland chỉ huy lại lập nên một kỷ lục với hành trình vượt Thái Bình Dương.

Khác với các mảng đánh cá thông thường, mảng vượt biển Sầm Sơn được tăng cường bởi ba lớp tre luồng với tổng cộng 550 cây và hàng nghìn mối buộc lạt mây. Mảng làm theo lối cổ xưa, đó là chiếc mảng dài 18,3m; rộng 4,6m; mớn không xiếm 0,41m; mớn có xiếm 1,3m; buồm 75 m²; đáy 3 lớp luồng buộc lạt mây tre. Chiếc bè mảng là thành quả lao động trong 6 tháng của gần một trăm người thợ phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn. Phương tiện đi biển này lại được Lương Viết Lợi (sinh năm 1959), người thông thạo nhất về kỹ thuật dân gian trong việc chế tạo và điều khiển. Sau khi hoàn tất và được hạ thủy an toàn với nghi lễ truyền thống tại đền Độc Cước, chiếc mảng được kéo ra Bãi Cháy, được lắp ba cánh buồm nâu. Từ Hạ Long, chiếc mảng được cẩu lên tàu biển Việt Nam chạy sang Hongkong, ngày 17/05/1993, chiếc mảng bắt đầu chuyến hành trình ven theo đảo Đài Loan, ghé qua Nhật Bản, sau đó hướng thẳng sang phía Đông, vượt Thái Bình Dương.

Tim Severin, người chỉ huy cuộc hành trình 5 người này đã thực hiện chuyến thám hiểm nhằm lập lại những chuyến đi của người xưa. Mặc dù gặp sóng to, gió lớn, bão tố và phải kết lại bè với hai tạ dây đem đi dự phòng, sau 6 tháng, họ đã vượt biển an toàn và đến tận nước Mỹ. Kết thúc chuyến hành trình vượt Thái Bình Dương kéo dài 6 tháng trời, với 5.500 hải lý đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt của chiếc bè mảng Sầm Sơn.

Ngày nay, mặc dù với phương tiện là tàu thuyền cỡ lớn, được trang bị hiện đại trong những chuyến ra khơi, nhưng đối với chiếc bè mảng đơn sơ rất đỗi quen thuộc và gắn bó thân thiết vẫn được người dân Sầm Sơn và ngư dân vùng biển Thanh Hoá sử dụng. Chiếc bè mảng mang dấu ấn văn hóa cổ xưa, đến nay, không những vẫn được ngư dân sử dụng để ra khơi, vào lộng đánh bắt cá tôm, mà bè mảng còn chờ theo nó cả một di sản văn hóa, đó là trí tuệ và một lòng tin dân gian muôn thuở của người Việt nói chung, dân miền biển nói riêng, đó là một tư tưởng sống "Hoà" - con người và thiên nhiên đồng nhất thể, tất cả để tồn tại, để phát triển. Chiếc mảng Sầm Sơn đã và đang đưa ngư dân nơi đây vượt qua những bến bờ trắc trở để cập bờ hạnh phúc./.

H.M.T

(Ngày nhận bài: 04/12/2014; Ngày phản biện đánh giá: 06/01/2015; Ngày duyệt đăng bài: 21/01/2015).